

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TƯỢNG THỦ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số: 18 ngày 01 tháng 4 năm 2025)

Tài khoản dự toán

☒

Tài khoản tiền gửi:

☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường THCS xã Thanh Nưa
2. Mã đơn vị : 1095945
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: 3600269142 mở tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam chi nhánh Điện Biên
- I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển lương tháng 4/2025

(Đơn vị: Đồng)

| STT | Họ và tên                    | Tài khoản ngân hàng      |                | Tổng số     | Trong đó:                   |                                  |                         |             |                              |            |               | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------------------------|----------------|-------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------|------------|---------------|---------|
|     |                              | Số Tài khoản người hưởng | Tên ngân hàng  |             | Lương và phụ cấp theo lương | Tiền công lao động theo hợp đồng | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền thưởng | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác | Tiền khoản | Tiền học bổng |         |
| (1) | (2)                          | (3)                      |                | (4)         | (5)                         | (6)                              | (7)                     | (8)         | (9)                          | (10)       | (11)          | (12)    |
|     | Tổng số                      |                          |                | 528.249.437 | 520.576.942                 | 7.672.495                        |                         |             |                              |            |               |         |
|     |                              |                          |                | 520.576.942 | 520.576.942                 |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| I.  | Đổi với công chức, viên chức |                          |                | 520.576.942 | 520.576.942                 |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 1   | Nguyễn Thị Thu Hằng          | 3600299033               | BIDV Điện Biên | 25.581.900  | 25.581.900                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 2   | Nguyễn Quang Cường           | 3600247838               | BIDV Điện Biên | 22.945.903  | 22.945.903                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 3   | Nguyễn Thị Hương             | 3600268149               | BIDV Điện Biên | 23.691.133  | 23.691.133                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 4   | Phạm Thị Thu Hoài            | 3600186171               | BIDV Điện Biên | 23.803.388  | 23.803.388                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 5   | Nguyễn Thủy Hương            | 3600268112               | BIDV Điện Biên | 23.466.624  | 23.466.624                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 6   | Bùi Thị Hối                  | 3600268194               | BIDV Điện Biên | 21.842.019  | 21.842.019                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 7   | Thái Thị Thu                 | 3600331236               | BIDV Điện Biên | 23.242.116  | 23.242.116                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 8   | Phạm Hồng Ân                 | 3600268176               | BIDV Điện Biên | 23.242.116  | 23.242.116                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 9   | Nguyễn Thị Nga               | 3600268200               | BIDV Điện Biên | 22.556.283  | 22.556.283                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 10  | Lại Thị Thu Hà               | 3600268219               | BIDV Điện Biên | 21.736.885  | 21.736.885                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |
| 11  | Lê Thị Việt Hà               | 3600537344               | BIDV Điện Biên | 20.343.909  | 20.343.909                  |                                  |                         |             |                              |            |               |         |

|      |                                                                                                                                     |            |                |            |            |  |  |  |  |  |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------|------------|------------|--|--|--|--|--|--|
| 12   | Ngô Thị Thanh Huyền                                                                                                                 | 3600268352 | BIDV Điện Biên | 22.337.638 | 22.337.638 |  |  |  |  |  |  |
| 13   | Vũ Thị Hòe                                                                                                                          | 3600268307 | BIDV Điện Biên | 19.189.344 | 19.189.344 |  |  |  |  |  |  |
| 14   | Nguyễn Trường Thọ                                                                                                                   | 3600646383 | BIDV Điện Biên | 19.951.856 | 19.951.856 |  |  |  |  |  |  |
| 15   | Hồ Ngọc Trâm                                                                                                                        | 3600268291 | BIDV Điện Biên | 20.049.869 | 20.049.869 |  |  |  |  |  |  |
| 16   | Nguyễn Thị Thu Hương                                                                                                                | 3600268325 | BIDV Điện Biên | 18.587.362 | 18.587.362 |  |  |  |  |  |  |
| 17   | Lê Thanh Hà                                                                                                                         | 3600268334 | BIDV Điện Biên | 16.971.552 | 16.971.552 |  |  |  |  |  |  |
| 18   | Nguyễn Thị Hồng Phúc                                                                                                                | 3600268343 | BIDV Điện Biên | 17.737.937 | 17.737.937 |  |  |  |  |  |  |
| 19   | Lê Thị Dung                                                                                                                         | 3600309783 | BIDV Điện Biên | 18.496.469 | 18.496.469 |  |  |  |  |  |  |
| 20   | Nguyễn Thị Thúy Thành                                                                                                               | 3600347136 | BIDV Điện Biên | 19.189.344 | 19.189.344 |  |  |  |  |  |  |
| 21   | Lê Thị Liên                                                                                                                         | 3600247962 | BIDV Điện Biên | 18.975.097 | 18.975.097 |  |  |  |  |  |  |
| 22   | Nguyễn Thị Hải                                                                                                                      | 3600351182 | BIDV Điện Biên | 16.971.552 | 16.971.552 |  |  |  |  |  |  |
| 23   | Lò Văn Thân                                                                                                                         | 3600347039 | BIDV Điện Biên | 15.398.466 | 15.398.466 |  |  |  |  |  |  |
| 24   | Quách Thị Thủy                                                                                                                      | 3600268316 | BIDV Điện Biên | 20.147.882 | 20.147.882 |  |  |  |  |  |  |
| 25   | Đặng Văn Tuyền                                                                                                                      | 3600542393 | BIDV Điện Biên | 13.275.101 | 13.275.101 |  |  |  |  |  |  |
| 26   | Nguyễn Thị Dinh                                                                                                                     | 3600540403 | BIDV Điện Biên | 10.845.198 | 10.845.198 |  |  |  |  |  |  |
| II.  | Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc<br>Hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP)                                     |            |                | 7.672.495  | 7.672.495  |  |  |  |  |  |  |
| 1    | Đặng Thị Ngân                                                                                                                       | 3600268370 | BIDV Điện Biên | 4.584.745  | 4.584.745  |  |  |  |  |  |  |
| 2    | Lò Văn Trâm                                                                                                                         | 3600602385 | BIDV Điện Biên | 3.087.750  | 3.087.750  |  |  |  |  |  |  |
| III. | Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 111/2022/NĐ - CP |            |                |            |            |  |  |  |  |  |  |
| IV   | Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng                                                                                         |            |                |            |            |  |  |  |  |  |  |
| V    | Thanh toán cá nhân khác                                                                                                             |            |                |            |            |  |  |  |  |  |  |

Tổng số tiền bằng chữ: (Năm trăm hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng chẵn)

II. **Phân thuyết minh đối so với tháng trước:**

1. **Tổng số biên chế công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao: 27 biên chế**  
Số biên chế công chức, viên chức tăng (giảm) trong tháng: 0 Biên chế
2. **Tổng số hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao: 02 Hợp đồng**  
Số hợp đồng lao động tăng (giảm) trong tháng: 0 Hợp đồng
3. **Số tiền đã chuyển lương và phụ cấp lương tháng trước: 520.576.942 đ**
4. **Số tiền chuyển lương và phụ cấp lương trong tháng: 520.576.942 đ**  
- Số tiền tăng: đ  
- Số tiền giảm: đ  
- Số tiền tăng (giảm) so với tháng trước: đ
5. **Tổng số tiền chuyển: 528.249.437 đ**

Ngày 02 tháng 4 năm 2025

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cao Thị Hà

Giao dịch viên

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cao Thị Hà

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày ..... tháng ..... năm 2025

Giám đốc KBNN khu vực IX

**Phụ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
  
Nguyễn Thị Thu Hằng

